

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Hương;
2. ông Nguyễn Văn Biên.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn K, xã M, huyện C, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn T, xã Hà L, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn G tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 03/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau. Chị và anh G đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng

không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: chị Hương khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 31/12/2015, hiện cháu Tr đang ở với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, hiện tại chị làm nghề công nhân tại công ty may thu nhập mỗi tháng khoảng 09 triệu đến 10 triệu đồng.

Về tài sản: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Nguyễn Văn G đến Tòa án để viết bản tự khai nhưng anh G không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của anh G.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. chị H đề nghị được ly hôn với anh G và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng anh G không có mặt mà không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Anh G cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh G là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Theo kết quả xác minh ngày 20/10/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh G là do anh G chơi bời, nợ nần, không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung vợ

chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn anh G là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 31/12/2015. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Tr, trong đó xác định cháu Tr là con chung của chị H và anh G. Mặt khác, cháu Tr được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu Tr là con chung của chị H và anh G. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Tr do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tr cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập của cháu, do đó giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 31/12/2015 là con chung của chị H và anh G. Giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh G không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004397 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương